TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2019/DS-ST
Ngày: 12 - 3 - 2019.
V/v tranh chấp
"Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ T gồm có:

T phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Thảnh.

Các Hội T nhân dân:

Ông La Văn Việt.

Bà Trần Thị Đổi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Huỳnh Như – là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 12 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa tiến hành xét xử sơ T công khai vụ án thụ lý số: 548/2018/TLST-DS ngày 10 tháng 9 năm 2018 về việc "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2019/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 01 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2019/QĐST-DS ngày 22 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Trần Mỹ T, sinh năm 1981

Chị Phan Mộng Thùy T1, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Ấp L, xã G, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của anh T, chị T1: Anh Phan Mộng Kỳ Q, sinh năm 1985. (Hợp đồng ủy quyền ngày 20/9/2018 - có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã G, huyện Đ, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Ông Hà Thanh L, sinh năm 1963. (vắng mặt)

Bà Nguyễn Ngọc B, sinh năm 1964. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T1, xã G, huyện Đ, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 9 năm 2018 và những lời khai tiếp theo cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn do anh Phan Mộng Kỳ Q đại diện theo ủy quyền trình bày:

Năm 2012, anh Trần Mỹ T và chị Phan Mộng Thùy T1 có cho vợ chồng ông Hà Thanh L, bà Nguyễn Ngọc B mượn số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng), việc mượn tiền có lập Giấy nhận nợ.

Đến nay, ông L và bà B vẫn chưa trả số tiền trên cho anh T và chị T1 nên anh T, chị T1 khởi kiện yêu cầu ông Hà Thanh L, bà Nguyễn Ngọc B liên đới trả cho anh T, chị T1 số tiền 150.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi suất.

Ngoài ra, không còn yêu cầu gì khác.

Bị đơn ông Hà Thanh L trình bày tại Bản tự khai ngày 17/02/2019, bà Nguyễn Ngọc B trình bày tại Bản tự khai ngày 27/9/2018 như sau: Ông L, bà B xác nhận năm 2012 có nợ anh T và chị T1 tổng số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) và đồng ý trả cho anh T và chị T1 số tiền này, tuy nhiên do hoàn cảnh khó khăn nên xin trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền nợ.

Sau khi thụ lý vụ án, nguyên đơn có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, Tòa án đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý, các văn bản tố tụng cần thiết, đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các thủ tục theo pháp luật quy định nhưng bị đơn vẫn vắng mặt nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được T tra tại phiên Tòa, căn cứ các kết quả xét hỏi tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Anh Trần Mỹ T và chị Phan Mộng Thùy T1 khởi kiện yêu cầu ông Hà Thanh L, bà Nguyễn Ngọc B trả tiền vay. Quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Hà Thanh L, bà Nguyễn Ngọc B có hộ khẩu thường trú tại ấp T1, xã G, huyện Đ, tỉnh Long An và có mặt tại địa phương nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ vào điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 3 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện: Anh Trần Mỹ T và chị Phan Mộng Thùy T1 khởi kiện yêu cầu ông Hà Thanh L, bà Nguyễn Ngọc B trả số tiền là 150.000.000 đồng và xuất trình chứng cứ là Giấy nhận nợ với số tiền 150.000.000 đồng. Ông Hà Thanh L, bà Nguyễn Ngọc B xác nhận có mượn anh T và chị T1 số tiền đúng

như lời trình bày của anh T và chị T1 và đồng ý trả số tiền này nên được xem là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử ghi nhận sự thống nhất lời trình bày của nguyên đơn và bị đơn.

[3]. Về lãi suất: Anh T và chị T1 (do anh Q đại diện theo ủy quyền) không yêu cầu trả lãi suất phát sinh nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Ông Hà Thanh L, bà Nguyễn Ngọc B xin trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng do việc làm ăn đang gặp khó khăn, anh T và chị T1 (do anh Q đại diện theo ủy quyền) không đồng ý với phương thức thanh toán do ông L và bà B đề nghị. Xét thấy, thời gian vay tiền cũng đã lâu; do đó để đảm bảo quyền lợi cho nguyên đơn cần buộc ông Hà Thanh L, bà Nguyễn Ngọc B có nghĩa vụ liên đới trả cho anh T và chị T1 một lần số tiền còn nợ.

Từ những phân tích [2], [3], [4], xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005.

[5]. Về án phí: Ông Hà Thanh L, bà Nguyễn Ngọc B phải liên đới chịu án phí dân sự sơ T theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 186, 273, 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 471, 474 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ vào Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Trần Mỹ T và chị Phan Mộng Thùy T1 đối với ông Hà Thanh L, bà Nguyễn Ngọc B về việc tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản".

Buộc ông Hà Thanh L, bà Nguyễn Ngọc B có trách nhiệm liên đới trả cho anh Trần Mỹ T và chị Phan Mộng Thùy T1 số tiền 150.000.000đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, bên có nghĩa vụ chậm thi hành sẽ phải chịu thêm khoản tiền lãi tính trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 tương ứng với thời gian

chưa thi hành án, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

Ông Hà Thanh L, bà Nguyễn Ngọc B phải liên đới chịu 7.500.000đồng (Bảy triệu năm trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ T sung ngân sách Nhà nước.

Hoàn lại cho anh Trần Mỹ T và chị Phan Mộng Thùy T1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.750.000đồng theo biên lai thu số 0003254 ngày 10/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa.

Án xử sơ T và tuyên án công khai, nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Lưu hồ sơ, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ T
T PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Trần Thị Kim Thảnh